

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 54/2021/DS - PT

Ngày: 19-01-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Ngọc Hương

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 561/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6052/2020/QĐ - PT ngày 02 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 28048/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6589/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q

Địa chỉ trụ sở: Số 28 đường A, Phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Bá R, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 47/52/45 đường S, Phường O, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 199A đường D, Phường P, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình Y, sinh năm 1965 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 65 Đường H, xã K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Theo Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 5 năm 2014).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Q – ông Võ Bá R trình bày:

Ngày 18/02/2013, Công ty TNHH Q (gọi tắt Công ty Q) và bà Nguyễn Ngọc T có ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 006/2013/HĐDVTV. Căn cứ theo yêu cầu của bà T, Công ty Q đồng ý nhận thực hiện các công việc để hoàn tất các thủ tục đối với Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của bà T như sau: 1.1. Thủ tục xử lý vi phạm do công trình thay đổi hiện trạng mà không xin phép; 1.2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với căn nhà nêu trên.

Bà T đồng ý thanh toán phí dịch vụ là 70.000.000 đồng; phương thức thanh toán: thanh toán 1 lần ngay khi bà T được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đối với căn nhà nêu trên. Công ty Q đã hoàn thành công việc cho bà T theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 03/6/2013, bà T đã được Ủy ban nhân dân Quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bà T không thanh toán chi phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng theo hợp đồng dịch vụ mà hai bên đã ký kết.

Bà T không có ký giấy ủy quyền tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho Công ty Q thay mặt bà T để thực hiện các thủ tục tại các cơ quan nhà nước

nhưng sự thật là Công ty Q có tiến hành các thủ tục hành chính đúng như đã ký cho bà T vì bản chính hộ khẩu, chứng minh nhân dân của bà T và các giấy tờ khác liên quan đến căn nhà số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B do Công ty Q giữ, nhưng hai bên không ký biên bản giao nhận. Hiện nay ông không còn giữ bản chính các giấy tờ khác liên quan đến căn nhà vì đã được Ủy ban nhân dân Quận B lưu giữ và cấp sổ cho bà T.

Ông yêu cầu Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn I, bà Nguyễn Thị Minh O và ông Trần Văn P tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì bà O và ông P biết công ty ông đã thực hiện công việc cho bà T nhưng ông không có chứng cứ chứng minh việc Công ty Q đã thực hiện các công việc theo hợp đồng dịch vụ mà hai bên ký kết.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Đình Y trình bày:

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì sau khi ký hợp đồng nguyên đơn không thực hiện theo hợp đồng mà do bị đơn tự thực hiện các thủ tục pháp lý đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nộp đơn ở ủy ban, cơ quan thuế, nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến ngày 28/6/2013 bà T mới nhận được Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân Quận B. Nay bị đơn yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 518, 519, 521 và 522 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 006/2013-HĐDVTV ngày 18/02/2013.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Q phải chịu án phí là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Q đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/03692 ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Công ty TNHH Q còn phải nộp số tiền án phí là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 10 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn có đơn kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan và sự thật của vụ việc, các chứng cứ và chứng minh để giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được Tòa án xem xét chính xác. Do đó, việc nhận định và tuyên án của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo không rút đơn kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Võ Bá R trình bày yêu cầu kháng cáo: giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì nguyên đơn có thực hiện các công việc theo Hợp đồng dịch vụ đã ký với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng cấp sơ thẩm: việc triệu tập các đương sự tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của nguyên đơn gồm: bà Nguyễn Thị Ngọc U, ông Nguyễn Văn I, bà Nguyễn Thị Minh O và ông Trần Văn P là không cần thiết vì những người này không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến nội dung tranh chấp trong vụ án, do đó yêu cầu của nguyên đơn không có cơ sở để xem xét.

Nhận định trên của Tòa án về tố tụng là có cơ sở và phù hợp với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về thực hiện hợp đồng dịch vụ, sau khi ký hợp đồng, hai bên đều thừa nhận bà T không ký văn bản ủy quyền cho Công ty Q để thay mặt bà T thực hiện các nội dung theo thỏa thuận.

Căn cứ Công văn số 1541/UBND-VP ngày 24/02/2014 của Ủy ban nhân dân Quận B; Công văn số 2220/CCT-TB&TK ngày 10/4/2015 của Chi cục thuế Quận B và các tài liệu trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân Quận cung cấp cho thấy bà T là người đứng đơn, ký tên, nộp hồ sơ có biên nhận, đến Ủy ban để nhận giấy chứng nhận. Mặt khác, ngày 12/6/2013, bà T đã có thông báo về việc chấm dứt hợp đồng dịch vụ đến ông R, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng dịch vụ là không có cơ sở. Nhận định của Tòa án về giải quyết vụ án là có cơ sở, không có cơ sở chấp nhận

yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 325/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 16 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận B đưa vụ án ra xét xử và tuyên bản án số 352/2020/DS-ST. Ngày 02 tháng 10 năm 2020, Tòa án thực hiện niêm yết bản án cho nguyên đơn, ngày 10 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn luật định nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Ông Võ Bá R đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét triệu tập chính bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp đến Tòa để giải quyết vụ án. Căn cứ vào Giấy ủy quyền ngày 14/5/2014 tại Văn phòng Công chứng T thì bà Nguyễn Ngọc T đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đình Y đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền. Việc ủy quyền của đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật, do đó đề nghị của ông R không có cơ sở để xem xét. Ngày 18/01/2021, ông Nguyễn Đình Y là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc triệu tập các ông, bà Nguyễn Thị Ngọc U, Nguyễn Văn I, Nguyễn Thị Minh O, Trần Văn P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo Hợp đồng mua bán nhà đất số 007629 tại Văn phòng Công chứng T thì ông I, bà T, bà U đã ký hợp đồng mua bán căn nhà số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B cho bà O và ông P. Đồng thời bà O, ông P đã được Ủy ban nhân dân Quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP980046, sổ vào sổ cấp GCN: CH00808 ngày 15/11/2013. Từ nội dung đơn khởi kiện và các chứng cứ nêu trên cho thấy không cần thiết phải triệu tập bà U, ông I, bà O, ông P vì những người này không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến nội dung tranh chấp trong vụ án như nhận định của cấp sơ thẩm về tố tụng là có cơ sở.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ngày 18/02/2013, giữa Công ty TNHH Q (Bên cung ứng dịch vụ: gọi tắt là Bên A) và bà Nguyễn Ngọc T (Bên sử dụng dịch vụ: gọi tắt là Bên B) ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 006/2013-HDDVTV, với nội dung: “*Căn cứ theo yêu cầu của Bên B, Bên A đồng ý nhận thực hiện các công việc để hoàn tất các thủ tục sau: 1.1 Thủ tục xử lý vi phạm xây dựng đối với căn nhà số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; 1.2 Thủ tục cấp*

đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tọa lạc tại số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.”

Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 45 ngày làm việc kể từ ngày có biên nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân Quận B.

Tổng giá trị hợp đồng là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Căn cứ Điều 518 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 006/2013-HĐDVTV ngày 18/02/2013 được ký kết giữa các bên là hợp pháp.

[4.2] Xét thấy, sau khi ký hợp đồng dịch vụ, hai bên đều thừa nhận bà T không có ký văn bản ủy quyền cho Công ty Q để thay mặt bà T thực hiện các nội dung theo thỏa thuận tại hợp đồng. Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng dịch vụ tư vấn đối với Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tọa lạc tại số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, thì: bà Nguyễn Ngọc T là người đứng đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và là người nộp hồ sơ quy trình cấp mới giấy chứng nhận theo Biên nhận số 7712013170000501/BN-VPĐK ngày 21/02/2013.

Tại Công văn số 1541/UBND-VP ngày 24/02/2014 của Ủy ban nhân dân Quận B phúc đáp cho Tòa án nhân dân Quận B, có nội dung:

“1. Bà Nguyễn Ngọc T là người đứng đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B và trực tiếp nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng UBND Quận B.

2. Khi UBND Quận B giao giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 827149, BL 827150, BL 827151 đối với căn nhà 232/8/5 Bà Hạt được bà Nguyễn Ngọc T đem theo biên nhận đến nhận vào ngày 28/6/2013.”

[4.3] Căn cứ các Công văn số 1541/UBND-VP ngày 24/02/2014 của Ủy ban nhân dân Quận B; Công văn số 2220/CCT-TB&TK ngày 10/4/2015 của Chi cục thuế Quận B và các tài liệu trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân Quận B cung cấp cho thấy: quá trình nộp hồ sơ, tiến hành các thủ tục hành chính liên quan đến thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà, đất tọa lạc tại số Số 232/8/5 đường G, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T là người đứng đơn, ký tên, nộp hồ sơ có biên nhận và bà T là người đem biên nhận đến Ủy ban để nhận giấy chứng nhận. Sau khi ký Hợp đồng tư vấn, giữa các bên cũng không có ký Giấy ủy quyền nào để cho phía nguyên đơn thay mặt bị đơn thực hiện các công việc theo hợp đồng đã ký. Nguyên đơn không chứng minh được mình đã thực hiện công việc theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ nên không thể yêu cầu bị đơn phải trả tiền dịch vụ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị này là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 518, 519, 521 và 522 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 352/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo Hợp đồng dịch vụ tư vấn số 006/2013-HĐDVTV ngày 18/02/2013.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Q phải chịu án phí là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Q đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/03692 ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Công ty TNHH Q còn phải nộp số tiền án phí là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH Q phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0049665 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Cục thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS Quận B;
- TAND Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Thương